

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 119구조·구급에 관한 법률 시행규칙 [별지 제7호서식] <개정 2024. 10. 4.> 정부24(www.gov.kr)에서도 신청할 수 있습니다.
■ Thông tư hướng dẫn Luật về cứu hộ, cấp cứu 119 [Mẫu đính kèm số 7] <Sửa đổi 2024. 10. 4.> Có thể đăng ký tại Chính phủ 24(www.gov.kr)

구조·구급증명 신청서 ĐƠN XIN CHỨNG NHẬN CỨU HỘ, CẤP CỨU

※ []에는 해당되는 곳에 "√"표시를 합니다.

※ Đánh dấu "√" vào [] tương ứng.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	즉시 Ngay lập tức
----------------------	-----------------------	-------------------------	--------------------

신청인 Người đăng ký	성명 Họ tên	전화번호 Số điện thoại
	주소 Địa chỉ	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh
	용도 Mục đích	구조대상자·응급환자와의 관계 Quan hệ với đối tượng cứu hộ, bệnh nhân cấp cứu []본인 []보호자 []공공단체 []보험회사 []기타 []Bản thân []Người giám hộ []Cơ quan công cộng []Công ty bảo hiểm []Khác

구조대상자 · 환자 인적사항 Thông tin cá nhân của đối tượng cứu hộ, bệnh nhân	일련 번호 Mã số	성명 Họ tên	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	주소 Địa chỉ	비고 Ghi chú

「119구조·구급에 관한 법률 시행규칙」 제19조제1항에 따라 위와 같이 ([]구조 []구급) 증명을 신청합니다.

Tôi xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận ([]cứu hộ []cấp cứu) như trên theo khoản 1 Điều 19 “Thông tư hướng dẫn Luật về cứu hộ, cấp cứu 119”.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인
Người đăng ký

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

○○소방관서장 귀하

Kính gửi Trưởng đơn vị cứu hoả ○○

신청인 제출서류 Hồ sơ người đăng ký nộp	1. 신분증(주민등록증, 운전면허증, 여권, 공무원증 등)으로 신원확인 1. Xác minh nhân thân bằng giấy tờ tùy thân (thẻ đăng ký cư trú, giấy phép lái xe, hộ chiếu, thẻ công chức,...) 2. 위임 등을 증명할 수 있는 서류 2. Giấy tờ chứng minh việc uỷ quyền 3. 구조·구급자의 보험가입을 증명할 수 있는 서류 3. Giấy tờ chứng minh đăng ký bảo hiểm của người cứu hộ, cấp cứu 4. 그 밖에 구조·구급자에 대한 구조·구급활동에 관한 증명자료가 필요함을 입증할 수 있는 서류 4. Các tài liệu khác chứng minh giấy tờ chứng minh hoạt động cứu hộ, cấp cứu của người cứu hộ, cấp cứu là cần thiết. *제2호부터 제4호까지는 해당하는 경우에만 해당합니다. *Chỉ áp dụng cho các trường hợp tương ứng từ mục 2 đến mục 4.	수수료 없음 Không mất phí
---	---	----------------------------

담당 공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	보호자가 신청할 경우 가족관계증명서, 주민등록표등본 등 요구조자 또는 환자와의 관계를 확인할 수 있는 자료 Các tài liệu có thể xác nhận mối quan hệ với người yêu cầu cứu hộ hoặc bệnh nhân như giấy chứng nhận quan hệ gia đình, bản sao giấy đăng ký cư trú,... trong trường hợp người giám hộ nộp đơn	
--	--	--

행정정보 공동이용 동의서

Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건의 업무 처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 담당 공무원 확인사항을 확인하는 것에 동의합니다. *동의하지 않는 경우에는 신청인이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

Để xử lý các công việc liên quan đến đơn này, tôi đồng ý việc người phụ trách kiểm tra các hồ sơ xác nhận dành cho người phụ trách kiểm tra bên trên thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”. * Nếu không đồng ý, người nộp đơn phải nộp trực tiếp các hồ sơ liên quan.

신청인

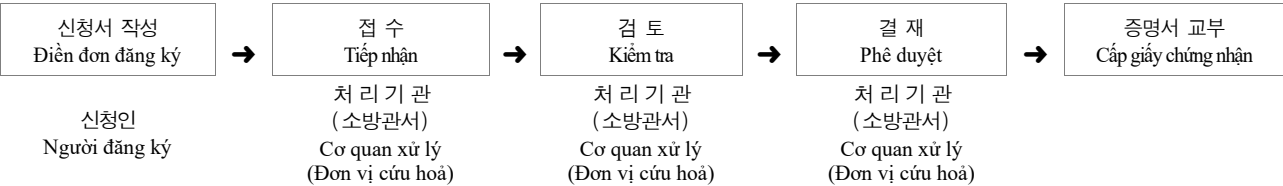
Người đăng ký

(서명 또는 인)

(Kí tên hoặc đóng dấu)

처리절차

Quy trình xử lý



※ 소방관서(중앙119구조본부, 소방서, 119안전센터, 119구조대, 119구급대, 119구조구급센터)

※ Đơn vị cứu hỏa (Trụ sở cứu hộ 119 trung ương, Trạm cứu hỏa, Trung tâm an toàn 119, Đội cứu hộ 119, Đội cấp cứu 119, Trung tâm cứu hộ và cấp cứu 119)

210mm×297mm[백상지 (80g/ m²) 또는 중질지 (80g/ m²)]